

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/LĐ-ST
Ngày: 19 – 12 – 2025
V/v “Tranh chấp yêu cầu tuyên bố
hợp đồng lao động vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Mai Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Phương

Bà Nông Thị Giới

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Long - Thư ký Tòa án nhân dân
Khu vực 10 – Đồng Nai.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai tham gia
phiên tòa:** Ông Huỳnh Phước Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 –
Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2025/TLST-LĐ ngày 14
tháng 10 năm 2025 về việc: Tranh chấp yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô
hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 247/2025/QĐST-LĐ ngày 01
tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố G, phường A1, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Công ty TNHH Y’.

Địa chỉ trụ sở: Lô A1-2, A2, A3 Khu công nghiệp MH, phường H3, tỉnh
Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông V.

Địa chỉ liên hệ: Lô A1-2, A2, A3 Khu công nghiệp MH, phường H3, tỉnh
Đồng Nai.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị M4, sinh năm
1983.

Địa chỉ: Tổ 8, khu phố G, phường A1, tỉnh Đồng Nai.

(Trước khi mở phiên tòa các đương sự trong vụ án đều đã có đơn xin xét
xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/9/2025; đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 15/12/2025, bản khai tại Tòa án, cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 trình bày:

Bà Nguyễn Thị H1 được nhận vào làm công nhân may công nghiệp tại Công ty TNHH VN' vào tháng 06/2010 cho đến 12/2010 và có đóng bảo hiểm xã hội theo số: 7021106936 với thời gian đóng bảo hiểm bắt đầu từ tháng 06/2010.

Do bản thân không am hiểu về pháp luật và muốn giúp đỡ chị gái là bà Nguyễn Thị M4 (do bà Nguyễn Thị M4 thời điểm này bị mất giấy tờ tùy thân) có thể đi làm, tạo thu nhập lo cho gia đình nên bà H1 có cho bà Nguyễn Thị M4 mượn giấy Chứng minh nhân dân để bà Nguyễn Thị M4 ký hợp đồng lao động và vào làm tại Công ty TNHH Y'. Vì vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 06/2010 đến tháng 11/2010, bà Nguyễn Thị M4 mang tên là Nguyễn Thị H1 làm việc tại Công ty TNHH Y' và cũng tham gia bảo hiểm với số sổ bảo hiểm mang tên Nguyễn Thị H1 là 7010011232.

Việc bà Nguyễn Thị H1 cho chị gái là bà Nguyễn Thị M4 mượn giấy Chứng minh nhân dân là không đúng quy định pháp luật và người thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y' không phải do bản thân bà Nguyễn Thị H1 thực hiện. Hiện nay tồn tại hai sổ sổ bảo hiểm là 7010011232 và 7021106936 cùng mang tên Nguyễn Thị H1 nên bà H1 không thể thực hiện việc hoàn tất thủ tục nhận tiền bảo hiểm xã hội một lần theo quy định.

Sau khi biết số chứng minh nhân dân của bà H1 có thời gian đóng bảo hiểm bị trùng lặp tại Công ty TNHH Y', thời gian trùng lặp từ tháng 06/2010 đến tháng 11/2010 (do bà Nguyễn Thị M4 mượn giấy tờ tùy thân của bà H1), bà H1 đã nhiều lần liên hệ với Bảo hiểm xã hội để được giải quyết. Tuy nhiên, Bảo hiểm xã hội đã hướng dẫn bà H1 khởi kiện ra Tòa án.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh nhân dân của bà H1 để tham gia bảo hiểm dẫn đến trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà H1.

Nay bà H1 yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H1 và Công ty TNHH Y' từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2010 là vô hiệu do người ký kết hợp đồng không phải là bà H1.

Bà H1 rút yêu cầu về xử lý hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

Việc cho người khác sử dụng chứng minh nhân dân của mình để làm việc tại Công ty TNHH Y' dẫn đến việc trùng lặp quá trình đóng bảo hiểm xã hội là do lỗi của bà H1. Do đó, bà H1 tự nguyện chịu toàn bộ án phí lao động sơ thẩm.

Do bận công việc, bà Nguyễn Thị H1 xin vắng mặt tại phiên toà.

Bị đơn Công ty TNHH Y' trình bày tại Văn bản số 11/2025/CV-Y&J ngày 29/10/2025 đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H1 như sau:

Công ty thống nhất đề Toà án giải quyết yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Y' với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1986 là vô hiệu.

Vụ việc tháng 6 năm 2010, bà Nguyễn Thị M4 mượn chứng minh dân dân của bà Nguyễn Thị H1 để làm hồ sơ xin việc, khi nhân viên công ty nhận hồ sơ để tuyển dụng lao động, kiểm tra hồ sơ thì thấy hồ sơ đầy đủ thông tin có xác nhận của các cơ quan nhà nước, hình ảnh, thông tin có trong hồ sơ đúng với hình ảnh, thông tin người lao động xin việc cung cấp nên nhân viên công ty nhận vào làm, Công ty ký hợp đồng lao động và tham gia đóng bảo hiểm cho người lao động là bà Nguyễn Thị H1 đầy đủ theo quy định của pháp luật đến tháng 11 năm 2010.

Trong thời gian người lao động làm việc và Công ty đóng bảo hiểm thì phía bảo hiểm cũng không có thông báo và ý kiến gì.

Cho đến khi công ty nhận được giấy triệu tập và thông báo về việc thụ lý vụ án của Toà án thì công ty mới biết sự việc. Quá trình nhận hồ sơ nhân viên Công ty không thể biết được là bà Nguyễn Thị M4 mượn hồ sơ của bà Nguyễn Thị H1 để xin vào làm việc. Việc bà Nguyễn Thị H1 cho bà Nguyễn Thị M4 mượn hồ sơ, bản thân bà Hoà biết rõ việc làm này là sai vẫn thực hiện.

Qua sự việc này Công ty đã đề nghị các cơ quan chức năng nhà nước khi xác nhận hồ sơ xin việc cần kiểm tra kỹ để xác nhận đúng người, đúng hồ sơ, trách để sự việc phát sinh như trường hợp của bà Nguyễn Thị H1.

Ngoài ra, phía Công ty không có ý kiến khác.

Công ty TNHH Y' có văn bản số 12/2025/CV-Y&J ngày 12/12/2025 về việc xin vắng mặt tại phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M4 trình bày:

Bà Miền xác nhận trong khoảng thời gian từ tháng 6 năm 2010 đến tháng 11 năm 2010, bà Nguyễn Thị M4 mượn chứng minh dân dân của em gái là bà Nguyễn Thị H1 để làm hồ sơ xin việc và làm việc tại Công ty TNHH Y'. Do thời điểm trên bà Miền bị mất giấy tờ và đang khó khăn cần có việc làm để trang trải cuộc sống gia đình nên phải mượn giấy tờ của em gái là bà Nguyễn Thị H1 để đi làm.

Nay bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động ký kết giữa bà Nguyễn Thị H1 và Công ty TNHH Y' từ tháng 06/2010 đến tháng 11/2010 do vi phạm nguyên tắc trung thực và nghĩa vụ cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật lao động, bà Nguyễn Thị M4 đồng ý.

Nếu Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng lao động, bà Nguyễn Thị M4 không

tranh chấp gì với bà Nguyễn Thị H1, chỉ đề nghị Toà án cho bà Nguyễn Thị H1 được liên hệ với Bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ theo quy định.

Do bận công việc nên bà Nguyễn Thị M4 có đơn xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc và các phiên tòa xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đồng Nai, tỉnh Đồng Nai thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp và tư cách của đương sự, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 tuyên hợp đồng lao động tham gia tháng 06/2010 đến tháng 11/2010 giữa bà Nguyễn Thị H1 và Công ty TNHH Y' là vô hiệu do vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và xác định tư cách tham gia tố tụng của đương sự trong vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1 khởi kiện Công ty TNHH Y' có trụ sở tại Lô A1-2, A2, A3 Khu công nghiệp MH, phường H3, tỉnh Đồng Nai, yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định bị đơn là Công ty TNHH Y'. Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019.

Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1; bị đơn Công ty TNHH Y'; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M4 đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các bên không cung cấp được tài liệu, chứng cứ là Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Y' với bà Nguyễn Thị H1 (do bà Nguyễn Thị M4 mượn

chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị H1 giao kết hợp đồng). Tuy nhiên, Công ty TNHH Y' thừa nhận có ký kết Hợp đồng lao động và có tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động có tên Nguyễn Thị H1 nhưng thời gian đã lâu nên không còn lưu trữ. Như vậy, thực tế có tồn tại Hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH Y' và người lao động có thông tin Nguyễn Thị H1. Đây là tài liệu, chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Pháp luật áp dụng và thời hiệu khởi kiện:

Về việc lựa chọn Bộ luật Lao động để áp dụng giải quyết tranh chấp: Các hợp đồng lao động là đối tượng tranh chấp được ký kết trong giai đoạn từ tháng 06/2010 đến tháng 11/2010, thời điểm Bộ luật lao động 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) và Bộ luật Dân sự 2005 có hiệu lực nên được áp dụng để giải quyết tranh chấp. Đồng thời, thời điểm nguyên đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu là năm 2025, nên áp dụng Bộ luật lao động 2019 để xem xét giải quyết.

Về thời hiệu khởi kiện: Các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên căn cứ quy định tại Điều 190 Bộ luật lao động năm 2019 và Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án không áp dụng thời hiệu.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy:

Thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 12/2010, bà Nguyễn Thị H1 có tham gia bảo hiểm xã hội và làm việc tại Công ty TNHH VN' – Địa chỉ: Lô E1-E2, KCN MH, phường H3, tỉnh Đồng Nai (số sổ 7021106936). Tại Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ số 6898.07009/2025/HDHS ngày 05/9/2025 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Đồng Nai thể hiện Người lao động Nguyễn Thị H1 có số sổ 7010011232 có quá trình: 06/2010 đến 11/2010 tại Công ty TNHH Y' (BHXH cơ sở Chơn Thành thu) trùng quá trình số sổ 7021106936 (quá trình từ 06/2010 đến tháng 11/2010 đã được BHXH quận Liên Chiểu thu hồi, BHXH cơ sở Bình Long khôi phục quá trình. Đề nghị BHXH cơ sở Chơn Thành kiểm tra, rà soát quá trình trùng nói trên).

Tại Văn bản số 11/2025/CV-Y&J ngày 29/10/2025 của Công ty TNHH Y', phía Công ty trình bày: xác nhận có ký kết hợp đồng lao động với người lao động có tên Nguyễn Thị H1 và có tham gia BHXH, BHTN cho người lao động trong khoảng thời gian từ tháng 06/2010 đến 11/2010 thì bà H1 nghỉ việc tại công ty. Hiện hồ sơ lao động của bà H1 công ty không còn lưu trữ. Việc bà Miền mượn hồ sơ của người khác (bà H1) để tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y', thời điểm tuyển dụng Công ty TNHH Y' không

phát hiện được việc người lao động sử dụng hồ sơ giả. Trong thời gian người lao động làm việc và Công ty đóng bảo hiểm thì phía bảo hiểm cũng không có thông báo và ý kiến gì. Phía Công ty thống nhất tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H1 và Công ty TNHH Y' từ tháng 6/2010 đến 11/2010 vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M4 xác nhận: Do thiếu hiểu biết pháp luật và hoàn cảnh gia đình khó khăn, mong muốn có thu nhập để giúp đỡ gia đình nên bà Miền có mượn giấy tờ tùy thân của bà H1 để ký kết hợp đồng lao động và trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Y' trong khoảng thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2010 thì nghỉ việc tại công ty.

Từ những tài liệu chứng cứ và các lời khai nêu trên nên có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị H1 không trực tiếp tham gia lao động tại Công ty TNHH Y'. Trên thực tế, người lao động tại Công ty TNHH Y' là bà Nguyễn Thị M4, việc bà Nguyễn Thị M4 ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y' với tên Nguyễn Thị H1 là vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007) và khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019, hợp đồng lao động phải được giao kết dựa trên nguyên tắc tự nguyện, trung thực và cung cấp đầy đủ thông tin.

Bà Nguyễn Thị M4 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà Nguyễn Thị H1 để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH Y' là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2002, 2006, 2007).

Vì vậy, hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H1 (thực tế là bà Nguyễn Thị M4) và Công ty TNHH Y' thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2010 là không có hiệu lực. Do đó, nay bà Nguyễn Thị H1 yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H1 (thực tế là Nguyễn Thị M4) và Công ty TNHH Y' trong khoảng thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2010 vô hiệu do không đúng người lao động tham gia ký kết hợp đồng lao động là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, nên được chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Bản án

của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đồng Nai tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H1 tự nguyện chịu án phí lao động sơ thẩm, Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 184, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005; Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 15, Điều 49, Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H1.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Nguyễn Thị H1 và Công ty TNHH Y' trong khoảng thời gian từ tháng 6/2010 đến tháng 11/2010 là vô hiệu.

Bà Nguyễn Thị H1 được quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để điều chỉnh sổ sổ bảo hiểm xã hội và giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định pháp luật.

2. Án phí: Bà Nguyễn Thị H1 chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003236 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND khu vực 10 - Đồng Nai.
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 10 - Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Ngọc Mai Phương